

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIFEVAS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LIFEVAS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110110132

**3. Ngày thành lập:** 07/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 25B, Ngõ 120, Phố Ngọc Thụy, Tổ 34, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3762 1194

Fax:

Email: oanhltk@lifetek.vn

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa                                                                              | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>bán buôn hàng du lịch...bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác. | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                         | 4651        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                          | 4652        |
| 5.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                   | 9511        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                  | 9512        |
| 7.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                       | 6201(Chính) |
| 8.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                         | 6202        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                             | 6209        |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu                                                                                       | 6311        |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; Các dịch vụ thông tin qua điện thoại       | 6399        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm), cho thuê xe có động cơ khác                                                             | 7710        |
| 13. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                          | 4783        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4791 |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Chỉ được hoạt động khi có Giấy phép kinh doanh vận tải do cơ quan có thẩm quyền cấp và sau khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                    | 4931 |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô<br>– Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định<br>– Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>– Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô<br>(chỉ hoạt động khi có Giấy phép kinh doanh vận tải do cơ quan có thẩm quyền cấp và sau khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) | 4932 |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Chỉ được hoạt động khi có Giấy phép kinh doanh vận tải do cơ quan có thẩm quyền cấp và sau khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 18. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5011 |
| 19. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5012 |
| 20. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5021 |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên phương tiện vận tải hoặc dỡ hàng hóa hoặc hành lý của hành khách từ phương tiện vận tải                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; hoạt động của địa lý làm thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển; giao nhận hàng hóa, sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không                                                                                                              | 5229 |
| 23. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú cho khách du lịch ngắn hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5510 |
| 24. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp lều trại du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5590 |
| 25. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính.                                                                                                                                                                                                                                        | 5820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ được hoạt động khi có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp; trừ xuất khẩu lao động) | 7810 |
| 27. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Nhận khoán việc với các đơn vị có nhu cầu, cho thuê lại lao động (chỉ được hoạt động khi có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp)                                                                                              | 7820 |
| 28. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: cung cấp dịch vụ tư vấn về nguồn nhân lực (chỉ được hoạt động khi có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp; trừ xuất khẩu lao động)                                                                                     | 7830 |
| 29. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7911 |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế (chỉ hoạt động sau khi được cấp giấy phép kinh doanh)                                                                                                                                                                             | 7912 |
| 31. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                      | 7990 |
| 32. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                   | 4741 |
| 33. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                | 4742 |
| 34. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng du lịch bằng da, giả da và chất liệu khác.                                                                                                                                                     | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>ĐÌNH MINH      | Thôn Phương<br>Bán, Xã Phụng<br>Châu, Huyện<br>Chương Mỹ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 15,000       | 0010960241<br>50                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>MẠNH<br>TRƯỜNG | P1901, tòa HH2<br>Bắc Hà, số 15 Tô<br>Hữu, Phường<br>Trung Văn, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 225.000       | 2.250.000.000            | 75,000       | 0140850000<br>86                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Tổng số                            | 225.000       | 2.250.000.000            | 75,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 3   | LƯU THỊ KIM<br>OANH      | Xóm Lý, Tổ dân<br>phố Đồng Lý, Thị<br>Trần Thanh Lãng,<br>Huyện Bình<br>Xuyên, Tỉnh Vĩnh<br>Phúc, Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000        | 300.000.000              | 10,000       | 135850673                                                                                                              |            |
|     |                          |                                                                                                                       | Tổng số                            | 30.000        | 300.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU THỊ KIM OANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/10/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 135850673

Ngày cấp: 04/05/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ thường trú: Xóm Lý, Tổ dân phố Đồng Lý, Thị trấn Thanh Lãng, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Lý, Tổ dân phố Đồng Lý, Thị trấn Thanh Lãng, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội